

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, chấm điểm thi đua  
năm học 2021-2022 các đơn vị đào tạo trong Đại học Thái Nguyên**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;*

*Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục;*

*Căn cứ Công văn số 32/BGDĐT-TĐKT ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động, bình xét thi đua, khen thưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm;*

*Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-ĐHTN ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng trong Đại học Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-ĐHTN ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể đơn vị và viên chức, người lao động của Đại học Thái Nguyên.*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Pháp chế và Thi đua.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá, chấm điểm thi đua năm học các đơn vị đào tạo trong Đại học Thái Nguyên năm học 2021-2022.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2616/QĐ-ĐHTN ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá và xếp loại các đơn vị đào tạo năm học 2020-2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban chức năng của Đại học Thái Nguyên, Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để t/h);
- Giám đốc ĐHTN (để b/c);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Ban TĐKT tỉnh TN (để b/c);
- Lưu: VP, PCTĐ.



**PGS/TS. Trần Viết Khanh**

# BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM THI ĐUA CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO TRONG ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 530 /QĐ-ĐHTN ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

## 1. Mục lục, thang điểm từng tiêu chí thi đua

STT	Tiêu chí thi đua	Thang điểm	Số trang
<b>I</b>	<b>NHÓM NHIỆM VỤ</b>	<b>1.350</b>	
1.	Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị	100	
2.	Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	100	
3.	Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho sinh viên, bảo đảm an toàn trường học	550	
4.	Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh	100	
5.	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và quản lý	100	
6.	Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở đào tạo	100	
7.	Hội nhập quốc tế	100	
8.	Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo	100	
9.	Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao	100	
<b>II</b>	<b>NHÓM GIẢI PHÁP</b>	<b>650</b>	
1	Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính về giáo dục đào tạo	220	
2	Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục: Tổ chức, triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ Hội đồng trường, Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu, trưởng phòng/ban, phó trưởng phòng/ban	100	
3	Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đào tạo	100	
4	Công tác khảo thí và kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục	130	
5	Công tác truyền thông về giáo dục đào tạo	100	
<b>III</b>	<b>TỔNG ĐIỂM THEO TIÊU CHÍ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>	<b>2.000</b>	
<b>IV</b>	<b>ĐIỂM THƯỞNG</b>	<b>100</b>	
<b>V</b>	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>2.100</b>	

## 2. Nội dung tiêu chí đánh giá theo nhóm nhiệm vụ và giải pháp và thang điểm cho từng tiêu chí

### 2.1 Nhóm Tiêu chí nhiệm vụ

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
1	<b>Nhiệm vụ 1: Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị</b>		100	
1.1	Xây dựng đề án sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, giải thể; hoặc điều chỉnh tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc và trực thuộc	Quyết định phê duyệt Đề án	15	
		- Quyết định thực hiện sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo đề án được duyệt. - Các văn bản, tài liệu liên quan khác. <i>(không có trừ 05 điểm)</i>	20	
		- Văn bản phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung và đề án vị trí việc làm <i>(thực hiện muộn so với kế hoạch trừ 7,5 điểm)</i>	15	
1.2	Xây dựng đề án vị trí việc làm	- Văn bản ban hành danh mục, điều kiện, tiêu chuẩn vị trí việc làm <i>(thực hiện muộn so với kế hoạch trừ 7,5 điểm)</i>	15	
		- Kết quả thực hiện. (báo cáo kết quả thực hiện) - Các văn bản, tài liệu liên quan khác.	15	
1.3	Nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị	- Báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy, nhân sự (tinh gọn bộ máy, tinh giản số người làm việc)	15	
		- Các văn bản, tài liệu liên quan khác	05	
2	<b>Nhiệm vụ 2: Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục</b>		100	
2.1	Công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo: - Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện. - Triển khai nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo	- Văn bản hướng dẫn/tổ chức triển khai thực hiện.	5	
		- Kế hoạch phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo.	5	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		- Kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ/công việc nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo. - Kết quả xử lý vi phạm đạo đức nhà giáo (nếu có).	5 5	
2.2	Công tác tuyển dụng, sử dụng, tinh giản; quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý; thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh cho đội ngũ giảng viên: - Thực hiện công tác rà soát, tuyển dụng đảm bảo số lượng theo định mức và chất lượng, đảm bảo tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ. - Thực hiện chế độ làm việc của viên chức. - Thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục các cấp trong nhà trường.	- Kế hoạch tuyển dụng và kết quả xử lý khiếu kiện về tuyển dụng (nếu có). - Kế hoạch và kết quả thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh cho giảng viên. - Các quy định số lượng giảng viên cơ hữu, trình độ chuyên môn của giảng viên cơ hữu mỗi ngành. - Kế hoạch giảng dạy, kế hoạch đào tạo đội ngũ giảng viên; - Phân công giảng dạy, hướng dẫn Thạc sĩ, Tiến sĩ, giao đề tài nghiên cứu khoa học. - Quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ quản lý của cấp có thẩm quyền. - Kết quả bổ nhiệm cán bộ quản lý trong năm học.	5 5 5 5	
2.3	Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ	- Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực, bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp - Kết quả bồi dưỡng; danh sách cán bộ được cử đi dự các lớp/khóa đào tạo, tập huấn ....	10 10	
2.4	Thực hiện chế độ chính sách về lương, phụ cấp theo lương, chính sách đãi ngộ; tôn vinh cán bộ viên chức, người lao động (CBVC, NLD) xuất sắc, có nhiều cống hiến cho đơn	- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; kết quả thực hiện quy định về lương, phụ cấp theo lương	5	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	vị, ngành như: - Thực hiện các quy định về lương, phụ cấp theo lương - Thực hiện chính sách tài chính, chính sách ưu đãi riêng phù hợp với quy định. - Thực hiện xét tiêu chuẩn, bổ nhiệm Giáo sư, Phó giáo sư theo quy định. - Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đầy đủ ý kiến, kiến nghị của CBVC, NLD về chế độ chính sách.	- Các chính sách tài chính, chính sách ưu đãi riêng phù hợp với quy định (nếu có) - Kết quả thực hiện quy trình bổ nhiệm Giáo sư, Phó Giáo sư - Kết quả xử lý khiếu kiện kéo dài của CBVC, NLD về chế độ chính sách (nếu có)	5	
			5	
			5	
2.5	Đánh giá CBVC, NLD theo quy định Luật Viên chức, Luật lao động; quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Đại học Thái Nguyên (ĐHTN)...	- Văn bản chỉ đạo/hướng dẫn/triển khai đánh giá đội ngũ theo quy định	10	
	Tỷ lệ lao động đạt: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (HTXS NV): 20%; hoàn thành tốt nhiệm vụ (HTTNV): 75-80%; hoàn thành nhiệm vụ (HTNV) 0-5%; không hoàn thành nhiệm vụ (KHTNV): 0%	- Kết quả thực hiện đánh giá đội ngũ kèm theo các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền ( <i>Mỗi chỉ tiêu không đạt tỷ lệ trừ 01 điểm</i> )	5	
	Số đơn vị thuộc, trực thuộc đạt HTXS NV: 20%; HTTNV: 75-80%; HTNV: 0-5%; KHTNV: 0%	Kết quả thực hiện đánh giá tập thể kèm theo các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền ( <i>Mỗi chỉ tiêu không đạt trừ 01 điểm</i> )	5	
3	<b>Nhiệm vụ 3: Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho sinh viên, bảo đảm an toàn trường học</b>		550	
3.1	Nâng cao chất lượng đào tạo		200	
3.1.1	Tổ chức và quản lý đào tạo theo quy chế, quy định đối với các trình độ và hình thức đào tạo của Bộ GDĐT (Bộ Lao	Các văn bản chỉ đạo, triển khai đúng, kịp thời của đơn vị để thực hiện các văn bản, quy định, quy chế và các văn bản chỉ	20	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	<p>động TBXH đối với Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật) và của ĐHTN; có các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng hiệu quả.</p> <p>Kết quả thực hiện công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ theo quy định</p>	<p>đạo khác...) nộp báo cáo cấp trên đúng thời hạn; triển khai hoạt động đào tạo kịp thời, đúng kế hoạch năm học, khóa học, đảm bảo đúng tiến độ.</p> <p>(Một trường hợp không triển khai kịp thời, không đúng quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trừ 2,0 điểm; một trường hợp vi phạm quy chế, quy định về tổ chức quản lý và đào tạo bị trừ 1,0 điểm)</p> <p>Về việc cải tiến công tác quản lý đào tạo, tổ chức dạy và học theo quy định (đổi mới quản lý đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đào tạo trực tuyến, thư viện có đầy đủ giáo trình, đề cương bài giảng, học liệu giảng dạy được số hóa; triển khai xây dựng bài giảng điện tử; triển khai đào tạo trực tuyến.</p> <p>(Một trường hợp không triển khai cải tiến công tác quản lý đào tạo trừ 2,0 điểm)</p> <p>Hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động trong các hoạt động thực hành, thực tập, đào tạo nhân lực theo nhu cầu; hợp tác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.</p> <p>(Một hợp đồng triển khai có hiệu quả, có kết quả mới so với năm học trước được 2,0 điểm)</p>	10	
3.1.2	<p>Xây dựng, rà soát, đánh giá, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học và nhu cầu xã hội; đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng</p>	<p>Quyết định ban hành, điều chỉnh chương trình đào tạo mới trong năm đánh giá theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021</p>	20	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	đào tạo theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 và Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GDĐT.	(Một trường hợp không triển khai kịp thời, không đúng quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trừ 2,0 điểm)		
		Thực hiện nghiêm quy chế ba công khai hằng năm (Một trường hợp không triển khai kịp thời, không đúng quy định về quy chế ba công khai trừ 2,0 điểm)	10	
		Rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng của ngành đào tạo theo Thông tư 22/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 (Một trường hợp không triển khai kịp thời, không đúng quy định về việc rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng trừ 2,0 điểm)	10	
3.1.3	Tỷ lệ giảng viên là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu cao hơn năm trước	Thống kê về đội ngũ giảng viên cơ hữu	40	
3.1.4	Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo năng lực đào tạo theo quy định hiện hành và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh hiệu quả, đúng thông tin đã công bố	Báo cáo điều kiện xác định chỉ tiêu và kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh (Một trường hợp vi phạm quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trừ 5,0 điểm)	30	
		Công bố đề án tuyển sinh (đại học, sau đại học) theo đúng quy định của Bộ GDĐT và ĐHTN (Một trường hợp không triển khai kịp thời, không đúng quy định về công khai đề án tuyển sinh trừ 2,0 điểm)	10	
3.1.5	Tỷ lệ việc làm trong 12 tháng tốt nghiệp của sinh viên đại học chính quy	Tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với lĩnh vực được đào tạo trong 12 tháng tốt nghiệp và minh chứng (Tỷ lệ sinh viên có việc làm trên 90% (40 điểm); từ 80-90% (35 điểm); từ 70-80% (30 điểm); từ 60-70% (20 điểm); từ 50-60% (10 điểm); dưới 50% (0 điểm))	40	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
3.2	Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học (NCKH)		200	
3.2.1	Xây dựng chiến lược khoa học công nghệ (KHCN) trung hạn, kế hoạch KHCN hàng năm; triển khai văn bản chỉ đạo về khoa học công nghệ của Bộ/ngành và ĐHTN	Chiến lược khoa học công nghệ trung hạn, kế hoạch khoa học công nghệ hàng năm của đơn vị Các văn bản của đơn vị triển khai chỉ đạo của Bộ/ngành và ĐHTN về hoạt động KHCN	20 20	
3.2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về các nhiệm vụ KHCN các cấp của đơn vị và công bố trên website của đơn vị.	Danh mục các nhiệm vụ KHCN các cấp (tên nhiệm vụ, chủ nhiệm đề tài, thời gian thực hiện, nội dung, sản phẩm, kinh phí) đang thực hiện (Mỗi nhiệm vụ cấp nhà nước được tính 1 điểm, cấp Bộ 0,5 điểm, điểm tối đa là 15 điểm), mỗi nhiệm vụ đã nghiệm thu (Cấp nhà nước 1 điểm, cấp Bộ 0,5 điểm, điểm tối đa 15 điểm) - Mỗi nhiệm vụ quá hạn, không hoàn thành bị thanh lý, xử lý bị trừ 5 điểm (Đối với các đơn vị không phải là các trường đại học thành viên: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai, các nhiệm vụ KHCN nhân hệ số 2).	15 25	
3.2.3	- Số lượng bài báo ISI, ESCI, Scopus được đăng trong năm học và số lượng bài báo ISI, ESCI, Scopus tăng so với năm học trước - Số sách chuyên khảo được xuất bản trong năm học và số lượng sách chuyên khảo tăng so với năm học trước. - Số lượng nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu hoặc bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của các đề tài, dự án, chương trình, nhiệm vụ KHCN và tăng so với năm học	- Số lượng bài báo ISI, ESCI, Scopus được đăng trong năm học và năm học trước. Danh mục các bài báo ISI, ESCI, Scopus được đăng trong năm học và năm học trước kèm theo đường link các bài báo, địa chỉ email của tác giả có gắn tên miền của đơn vị hoặc của ĐHTN (tnu) được đăng trong năm học và năm học trước (Mỗi bài báo ISI được tính 1 điểm, bài báo Scopus được tính 0,5 điểm). - Danh mục các sách chuyên khảo của năm học và năm học	15 10	



STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	trước.	trước (Mỗi sách chuyên khảo được tính 2 điểm, sách tham khảo 1 điểm).  - Danh sách các nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu hoặc bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của các đề tài, dự án, chương trình, nhiệm vụ KHCN có minh chứng kèm theo và có so sánh số liệu với năm học trước (Mỗi NCS được tính 2 điểm, hướng dẫn thực sĩ bảo vệ thành công được tính 1 điểm). (Đối với các đơn vị: trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật; Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai không có đào tạo sau đại học được thay thế bằng số cán bộ tham gia thực hiện đề tài, dự án cấp bộ, tỉnh trở lên; tham gia các Hội thi sáng tạo Khoa học kỹ thuật, Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh trở lên)	15	
3.2.4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia được phê duyệt mới</li> <li>- Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, các giải thưởng về KHCN cấp Bộ và tương đương trở lên trong năm học, giải thưởng quốc tế về KHCN</li> <li>- Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài, thỏa thuận hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ và hoạt động hợp tác quốc tế về KHCN được triển khai thực hiện trong năm học</li> </ul>	<p>Quyết định phê duyệt hoặc văn bản thông báo của Bộ Khoa học và công nghệ về việc được phê duyệt nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia được phê duyệt mới trong năm học</p> <p>Quyết định cấp giấy chứng nhận giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học trong năm học; Quyết định giải thưởng khoa học công nghệ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên trong năm học; Quyết định/Chứng nhận giải thưởng của Quốc tế về khoa học công nghệ</p> <p>Thuyết minh nhiệm vụ/hồ sơ dự án khoa học công nghệ hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài; Thỏa thuận hợp tác với đối tác quốc tế về khoa học công nghệ. Minh chứng triển khai hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ được triển</p>	<p>10</p> <p>20</p> <p>10</p>	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		khai thực hiện trong năm học. Thuyết minh/hợp đồng/Dự án hợp tác nghiên cứu chung với đối tác quốc tế		
3.2.5	Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác phẩm; hợp đồng tư vấn, hợp đồng chuyển giao công nghệ được cấp mới hoặc ký kết mới trong năm học. - Nhóm nghiên cứu có quyết định thành lập của trường triển khai nhiệm vụ nghiên cứu mới theo hướng đã xác định trong năm học; triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu khoa học gắn với hợp tác doanh nghiệp trong năm học.	- Danh mục các bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác phẩm được chấp nhận đơn hoặc được cấp bằng độc quyền trong năm học (có xác nhận của đơn vị) kèm theo bản photo công văn được chấp nhận đơn hoặc bằng độc quyền đã được cấp trong năm học (Mỗi văn bằng, đơn hợp lệ được tính 5 điểm). - Danh mục các hợp đồng tư vấn, hợp đồng chuyển giao công nghệ được ký trong năm học (có xác nhận của đơn vị), kèm theo bản photo hợp đồng (Mỗi hợp đồng được tính 2 điểm). - Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu; thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu của nhóm trong năm học	20  10 10	
3.3	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học		<b>50</b>	
3.3.1	Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng: Triển khai Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.	- Kế hoạch triển khai các nội dung theo hướng dẫn năm học của Bộ GDĐT và ĐHTN. Các nội dung trên được công khai trên website của nhà trường. - Kế hoạch và kết quả công tác phát triển đảng viên trong sinh viên (đánh giá kế hoạch, số lượng sinh viên được tham gia học bồi dưỡng nhận thức về Đảng và được kết nạp Đảng so với nghị quyết Đại hội và kế hoạch hằng năm của đơn vị. Số đã thực hiện/ chỉ tiêu của năm). - Kết quả tổ chức các hoạt động đẩy mạnh học tập và làm theo	15	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		<p>tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tham gia cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên dương, tôn vinh các tấm gương sinh viên tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. 100% người học (NH) được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp đảng ủy, chính sách pháp luật của Nhà nước (theo kế hoạch đã được phê duyệt).</p> <p>- Kế hoạch và kết quả tổ chức tuần sinh hoạt công dân/ các nội dung tuyên truyền, hướng dẫn đầu năm học, khóa học cho NH theo quy định hiện hành của ĐHTN, Bộ GDĐT.</p> <p>- Kế hoạch và kết quả thực hiện việc đối thoại/ trao đổi thông tin/ tư vấn giải quyết các thắc mắc,... (trực tiếp, gián tiếp) giữa lãnh đạo nhà trường với NH (kể cả trao đổi, trả lời, xử lý các nội dung qua hệ thống phần mềm quản lý, qua đội ngũ chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập,...). Minh chứng trên hệ thống.</p> <p><i>Hướng dẫn chấm điểm:</i></p> <p>1. Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện (nội dung, nhân sự, điều kiện đảm bảo, tiến độ,...): được tối đa 1/4 tổng số điểm.</p> <p>2. Tổ chức thực hiện: được tối đa 1/4 tổng số điểm.</p> <p>Kết quả đạt được so với mục tiêu ban đầu: đạt 80% trở lên có thể đạt được 1/2 tổng số điểm; các trường hợp còn lại có thể đạt được tối đa 1/4 tổng số điểm).</p>		
3.3.2	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống, tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an	<p>- Quy định của đơn vị về khai thác, sử dụng mạng internet được phổ biến trong nhà trường</p> <p>- Các giải pháp đang thực hiện hiệu quả nhằm nắm bắt và xử</p>	15	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	<p>ninh, trật tự trường học, trật tự an toàn giao thông.</p>	<p>lý kịp thời diễn biến tư tưởng. Sử dụng nhóm lãnh đạo/ nhóm chuyên môn công tác NH ĐHTN và các đơn vị để trao đổi và xử lý thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả việc triển khai công tác phối hợp liên ngành với cơ quan công an địa phương thực hiện Thông tư liên tịch 06/2015/TT-LT giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công an; Thực hiện Quy chế phối hợp số 606/QCPH-CAT-ĐHTN-SGDĐT ngày 14/4/2021 giữa ĐHTN với Công an tỉnh Thái Nguyên và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên. Kết quả bảo đảm an ninh trật tự trường học/ kết quả xử lý các vụ việc an ninh trật tự xảy ra (nếu có)</li> <li>Xây dựng mô hình trường học an toàn.</li> <li>- Kế hoạch và kết quả công tác giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học.</li> <li>- Kế hoạch và kết quả bồi dưỡng/ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho CBVC, NLD và người học (theo lĩnh vực được phân công).</li> <li>- Xây dựng và cập nhật đầy đủ số liệu NH ở nội trú, ngoại trú, trong đó có lưu học sinh; các biện pháp thu hút người học vào ở nội trú.</li> <li>- Kết quả khảo sát ý kiến và sự hài lòng của người học về cơ sở vật chất của đơn vị.</li> <li>- Kế hoạch và kết quả phối hợp với công an địa phương trong việc phối hợp đăng ký tạm trú, tạm vắng và xử lý các vụ việc liên quan tới NH (cơ sở dữ liệu cụ thể).</li> <li>- Kết quả xử lý các vụ việc an ninh trật tự xảy ra (nếu có).</li> </ul>		



STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		<p><i>Hướng dẫn chấm điểm:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện (nội dung, nhân sự, điều kiện đảm bảo, tiến độ,...): được tối đa 1/4 tổng số điểm.</li> <li>2. Tổ chức thực hiện: được tối đa 1/4 tổng số điểm.</li> <li>3. Kết quả đạt được so với mục tiêu ban đầu: đạt 80% trở lên có thể đạt được 1/2 tổng số điểm; các trường hợp còn lại có thể đạt được tối đa 1/4 tổng số điểm).</li> </ol>		
3.3.3	<p>Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa và các hoạt động câu lạc bộ, hoạt động văn hóa, văn nghệ, phong trào sinh viên tình nguyện và công tác Đoàn, Hội trong trường học</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch và kết quả thực hiện Quyết định 1501/QĐ-TTg và Quyết định 1299/QĐ-TTg. Tổ chức báo cáo chuyên đề về giáo dục đạo đức, lối sống, ứng xử văn hóa cho sinh viên.</li> <li>- Mô hình giáo dục đạo đức, lối sống tiêu biểu.</li> <li>- Phối hợp với Đoàn-Hội xây dựng nội dung hoạt động ngoại khóa (gắn với phát triển kỹ năng, học thuật, rèn luyện thể lực,.....) trong toàn khóa và từng năm học. Triển khai thực hiện triển khai hệ thống phần mềm đánh giá hoạt động ngoại khóa cho người học. Đảm bảo 100% người học tham gia các hoạt động ngoại khóa và gắn với việc chấm điểm rèn luyện của HSSV.</li> <li>- Kết quả tham gia các cuộc thi văn hóa, văn nghệ; các diễn đàn, tọa đàm về đạo đức, lối sống, văn hóa trong trường học do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì; do Bộ GDĐT và Trung ương Đoàn phối hợp triển khai.</li> <li>- Kế hoạch triển khai hướng dẫn người học khai thác, sử dụng thông tin trên Internet, mạng xã hội cho sinh viên phục vụ việc học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí lành mạnh.</li> <li>- Kết quả tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ báo cáo viên, cán bộ cốt cán phụ trách công tác giáo dục đạo đức, lối sống.</li> </ul>	10	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản triển khai quy định/quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học.</li> <li>- Kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp giữa ngành Giáo dục với Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh theo năm học: kết quả hoàn thiện chế độ chính sách cho cán bộ Đoàn, Hội.</li> <li>- Kết quả tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, chiến dịch Mùa hè xanh, chương trình Tiếp sức mùa thi.</li> <li>- Kết quả hoạt động Câu lạc bộ sinh viên, đặc biệt là các câu lạc bộ Tiếng Anh, rèn luyện kỹ năng mềm.</li> </ul> <p><i>Hướng dẫn chấm điểm:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện (nội dung, nhân sự, điều kiện đảm bảo, tiến độ,...): được tối đa 1/4 tổng số điểm.</li> <li>2. Tổ chức thực hiện: được tối đa 1/4 tổng số điểm.</li> <li>3. Kết quả đạt được so với mục tiêu ban đầu: đạt 80% trở lên có thể đạt được 1/2 tổng số điểm; các trường hợp còn lại có thể đạt được tối đa 1/4 tổng số điểm).</li> </ol>		
3.3.4	Tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và dịch vụ NH. Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ NH rèn luyện kỹ năng hướng nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai và hướng dẫn tra cứu hệ thống tài liệu liên quan đến nội dung đã tuyên truyền, các quy chế, quy định liên quan tới quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của người học.</li> <li>- Có bộ phận chuyên trách công tác tư vấn, hỗ trợ và dịch vụ sinh viên hoạt động hiệu quả.</li> <li>- Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với NH (công khai, minh bạch, đúng quy định).</li> <li>- Khen thưởng, kỷ luật người học đúng quy định, không có khiếu kiện vượt cấp.</li> </ul>	10	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mới (nếu có) và triển khai các văn bản, quy định (quy định về công tác NH, công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập,..). Kết quả ý kiến phản hồi của học sinh sinh viên (HSSV) về công tác chủ nhiệm lớp (CNL), cố vấn học tập (CVHT).</li> <li>- Kết quả hoạt động tìm kiếm nguồn lực, xây dựng quỹ HB và hỗ trợ học bổng/ khen thưởng cho NH đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện, tốt nghiệp giỏi, xuất sắc/ NH có hoàn cảnh khó khăn, học tập, rèn luyện tốt trong năm học.</li> <li>- Kết quả phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ NH rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tư vấn và tạo việc làm. (số liệu đã hợp tác với các doanh nghiệp,.. số lượng NH đã thực hiện tại từng doanh nghiệp/ đơn vị sử dụng lao động).</li> <li>- Quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ và công khai về cấp văn bằng, chứng chỉ trên cổng thông tin điện tử (các hệ và loại hình đào tạo);</li> <li>- Đảm bảo quy trình đánh giá điểm rèn luyện, ứng dụng phần mềm đánh giá điểm rèn luyện. Phần đầu 85% người học có điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên (Nghị quyết Đại hội Đảng ĐHTN)</li> <li>- Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” của ngành giáo dục được ban hành kèm theo Kế hoạch số 239/KH - BGDĐT ngày 16/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:</li> <li>- 100% HSSV được trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp, 100% HSSV được trang bị kiến thức về hội</li> </ul>		

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		<p>nhập quốc tế, chuyển đổi số.</p> <p><i>Hướng dẫn chấm điểm:</i></p> <p>1. Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện (nội dung, nhân sự, điều kiện đảm bảo, tiến độ,...): được tối đa 1/4 tổng số điểm.</p> <p>2. Tổ chức thực hiện: được tối đa 1/4 tổng số điểm.</p> <p>3. Kết quả đạt được so với mục tiêu ban đầu: đạt 80% trở lên có thể đạt được 1/2 tổng số điểm; các trường hợp còn lại có thể đạt được tối đa 1/4 tổng số điểm).</p>		
3.4	Công tác giáo dục thể chất		<b>50</b>	
3.4.1	Công tác giáo dục thể chất, y tế trường học và có phong trào thể thao phát triển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học</li> <li>- Kết quả người học được khám, chăm sóc, tư vấn sức khỏe (cơ sở dữ liệu cập nhật trên phần mềm quản lý); kết quả và cơ sở dữ liệu người học tham gia bảo hiểm y tế (cập nhật qua phần mềm quản lý); Kết quả tổ chức các hoạt động thể dục thể thao từ cơ sở/ khoa/ trường</li> </ul>	5	
3.4.2	Dữ liệu học sinh, sinh viên được kiểm tra đánh giá xếp loại thể lực, trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe	- Có ít nhất 80% tổng số học sinh, sinh viên được kiểm tra đánh giá xếp loại thể lực. Dữ liệu sinh viên và kết quả kiểm tra, đánh giá thể lực của từng sinh viên được cập nhật trên phần mềm	5	
		- 100% HSSV được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe	5	
3.4.3	Tham gia các hoạt động thi đấu thể thao cho học sinh, sinh viên	Kế hoạch và kết quả tham gia các hoạt động thi đấu thể thao	10	
3.4.4	Đảm bảo sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao; hoạt động câu lạc bộ thể thao cho	- Số liệu danh mục cơ sở vật chất: nhà tập, sân tập, dụng cụ tập luyện; số liệu câu lạc bộ thể thao	5	



STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	học sinh, sinh viên.	- Kết quả hoạt động câu lạc bộ thể thao cho học sinh, sinh viên:	5	
3.4.5	Cơ sở giáo dục có cán bộ y tế trường học; có công trình nước sạch, công trình vệ sinh.....	- Danh sách cán bộ y tế. - Danh mục công trình vệ sinh, nước sạch ...	10	
3.5	Công tác quân sự, quốc phòng – an ninh		<b>50</b>	
	- Công tác lãnh, đạo chỉ đạo nhiệm vụ quân sự , quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh. - Hoạt động của Ban Chỉ huy, cán bộ làm công tác quân sự cơ quan, đơn vị. - Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh cho các đối tượng.	- Nghị quyết lãnh đạo công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh của cơ quan, đơn vị	10	
		- Kế hoạch công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh; hướng dẫn thực hiện công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh; Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy quân sự, cán bộ làm công tác quân sự, lực lượng tự vệ của cơ quan, đơn vị.	10	
		- Hệ thống văn kiện công tác quân sự, quốc phòng của cơ quan, đơn vị.	5	
		- Kết quả huấn luyện, hội thao, diễn tập lực lượng tự vệ của cơ quan, đơn vị, các đợt tập huấn công tác quân sự quốc phòng.....	15	
		- Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho CBVC, NLD theo chỉ tiêu, kế hoạch của Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh các cấp và kết quả thực hiện.	10	
<b>4</b>	<b>Nhiệm vụ 4: Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh</b>		<b>100</b>	
4.1	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ	- Kế hoạch giai đoạn 2017-2025 thực hiện Đề án Ngoại ngữ	2	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 (Đề án Ngoại ngữ Quốc gia); kế hoạch hàng năm, các văn bản hướng dẫn nội bộ về việc triển khai thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia	Quốc gia được phê duyệt.		
		- Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ hàng năm được phê duyệt.	3	
		- Các văn bản hướng dẫn nội bộ về việc thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia của Nhà trường.	3	
		- Đánh giá, tổng kết kết quả thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân hàng năm.	2	
4.2	Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành nghề đào tạo (cho sinh viên chuyên và không chuyên ngoại ngữ)	Kế hoạch/lộ trình triển khai chương trình đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành nghề đào tạo và kết quả thực hiện.	5	
		- Các hoạt động triển khai chương trình đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành nghề đào tạo (cho sinh viên chuyên và không chuyên ngoại ngữ).	15	
4.3	Xây dựng, triển khai các chương trình môn chuyên ngành dạy bằng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh	Kế hoạch triển khai chương trình học phần chuyên ngành dạy bằng ngoại ngữ được phê duyệt và kết quả thực hiện (01 chương trình được 20 điểm; 01 học phần chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh được 2 điểm)	20	
4.4	Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên ngoại ngữ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên tiếng Anh	Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên ngoại ngữ và kết quả thực hiện	5	
		- Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên ngoại ngữ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên tiếng Anh và giảng viên giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh	15	
4.5	Đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh	Văn bản hướng dẫn triển khai các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, tổng kết đảm bảo chính xác, minh bạch, khách quan, công bằng và kết quả thực hiện	5	
		Tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo quy định	5	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		của nhà trường tăng so với năm học trước		
4.6	Tổ chức phát động phong trào học Tiếng Anh, xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ trong các đơn vị	Kết quả thực hiện các hoạt động trong năm học (Mỗi hoạt động được tổ chức thành công được 2,0 điểm)	20	
<b>5</b>	<b>Nhiệm vụ 5: <i>Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và quản lý</i></b>		<b>100</b>	
5.1	Công tác tổ chức, bộ máy và công tác chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn: - Phân công lãnh đạo nhà trường phụ trách quản lý và triển khai nhiệm vụ Công nghệ thông tin (CNTT) trong cơ sở giáo dục; Giao đơn vị chuyên trách chủ trì triển khai nhiệm vụ CNTT trong cơ sở giáo dục, thực hiện chuyển đổi số. - Kế hoạch, đề án trung hạn (5 năm) và ngắn hạn (hàng năm) triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, giải pháp, lộ trình, nguồn lực và phương án tổ chức thực hiện. Ban hành quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống ứng dụng CNTT và số hóa trong đơn vị. - Báo cáo tổng kết triển khai nhiệm vụ hằng năm	- Quyết định phân công lãnh đạo nhà trường, đơn vị chuyên trách quản lý và triển khai nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục  - Kế hoạch, quyết định phê duyệt Đề án, dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của nhà trường  Văn bản quy chế, quy định quản lý, vận hành và khai thác sử dụng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống ứng dụng CNTT và số hóa trong đơn vị  Báo cáo hàng năm về lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số của đơn vị (bao gồm báo cáo riêng, báo cáo tổng thể có tổng kết về lĩnh vực liên quan) ...	5  10  5  5	
5.2	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý: - Triển khai hiệu quả phần mềm quản lý hành chính điện tử kết nối liên thông giữa các đơn vị. - Thực hiện gửi nhận văn bản điện tử đầy đủ thông qua hệ thống quản lý hành chính điện tử. - Triển khai phần mềm quản lý, điều hành nhà trường theo hướng tích hợp các mô đun, ứng dụng quản lý chuyên ngành	Tỷ lệ % văn bản được gửi liên thông giữa các đơn vị trong và ngoài đơn vị qua hệ thống quản lý văn bản điều hành đạt tỷ lệ % lần lượt: 100% (5 điểm); 75% (3 điểm); 50% (2 điểm); dưới 50% (0 điểm)  Tỷ lệ % văn bản được gửi liên thông giữa các đơn vị với ĐHTN qua hệ thống quản lý văn bản điều hành đạt tỷ lệ % lần lượt: 100% (5 điểm); 75% (3 điểm); 50% (2 điểm); dưới 50%	5  5	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	thành giải pháp tổng thể đồng bộ như: quản lý đào tạo, quản lý khoa học, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất, quản lý người học...	(0 điểm)		
	- Triển khai các dịch vụ trực tuyến đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ sinh viên, CBVC, NLD và các tổ chức, cá nhân khác. Trong đó đặc biệt triển khai các dịch vụ phục vụ sinh viên như: đăng ký học tín chỉ, tra cứu thông tin và kết quả học tập, các dịch vụ liên quan đến xác nhận của đơn vị, đóng học phí, dịch vụ liên quan đến thư viện, dịch vụ liên quan đến ký túc xá...; phục vụ CBVC, NLD như: đăng ký đề tài, đăng ký công tác, đăng ký nghỉ phép, các dịch vụ liên quan đến xác nhận hồ sơ,...	Số lượng mô đun, ứng dụng tích hợp lần lượt: 20 (5 điểm); 15 (3 điểm); 10 (2 điểm); dưới 5 (0 điểm)	5	
	- Thực hiện đầy đủ quy định 3 công khai trên cổng thông tin điện tử của trường.	Số lượng dịch vụ trực tuyến cung cấp và đạt tỷ lệ % số lượt phục vụ lần lượt: 100% (5 điểm); 75% (3 điểm); 50% (2 điểm) dưới 50% (0 điểm)	5	
	- Có công cụ tra cứu trực tuyến văn bằng, chứng chỉ do trường cấp	Đầy đủ thông tin công khai theo quy định 3 công khai. Đầy đủ: 5 điểm Không: 0 điểm	5	
		Cho phép tra cứu trực tuyến Có hỗ trợ tra cứu trực tuyến hệ Chính quy: Đại học (2,5 điểm), Sau đại học (1 điểm) Có hỗ trợ tra cứu hệ không chính quy: Đại học (1 điểm) Hệ khác (ngắn hạn): 0,5 điểm	5	
5.3	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy – học, đánh giá, nghiên cứu khoa học:	- Có quyết định, danh mục sách, tài liệu và kho ứng dụng học liệu số (có link truy cập hỗ trợ sinh viên)	5	
	- Triển khai thư viện điện tử	- Văn bản chỉ đạo, tỷ lệ khóa e-Learning trên tổng số sinh viên đang học	5	
	- Triển khai kho học liệu số trực tuyến dùng chung trong ĐHTN	100% (5 điểm); 50% (3 điểm); dưới 50% (1 điểm)		
	- Triển khai R-Learning	Số lượng cơ sở dữ liệu các tạp chí có kết nối. Tỷ lệ tài khoản cung cấp so với tỷ lệ sinh viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu.	5	
	- Có triển khai cổng kết nối cơ sở dữ liệu với các tạp chí bài báo nghiên cứu khoa học quốc tế và cung cấp tài khoản truy cập trực tuyến cho sinh viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu trong trường	100% (5 điểm); 50% (3 điểm); dưới 50% (1 điểm)		
	- Cung cấp mạng Internet qua wifi miễn phí, an toàn trong	Mạng wifi được cung cấp. Có giải pháp bảo mật tài khoản truy cập	5	
		- Cả khu giảng đường: 2 điểm		

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	đơn vị - Có phòng IT Lab phục vụ giảng dạy CNTT (đối với trường có đào tạo chuyên ngành CNTT)...	- Ký túc xá: 2 điểm - Khác: 1 điểm		
		Số lượng phòng IT, phòng học đa chức năng - Đủ, đảm bảo: 5 điểm - Không: 0 điểm	5	
5.4	Các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT: - Thiết bị và hạ tầng CNTT - Nhân lực sử dụng CNTT	- Triển khai giải pháp ứng dụng CNTT tổng thể trong nhà trường theo hướng: dùng chung hệ thống quản lý người dùng (Single Sign-On), dùng chung nền tảng hoặc có giải pháp kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống (đang tồn tại), sử dụng các danh mục dữ liệu dùng chung, đảm bảo hạ tầng hoạt động và an toàn an ninh thông tin.	2	
		Hạ tầng, thiết bị CNTT đồng bộ, đủ mạnh (máy chủ, đường truyền, cân bằng tải, bảo mật, sao lưu dữ liệu, đảm bảo an toàn an ninh thông tin...).	2	
		Đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT đảm bảo các yêu cầu vận hành hệ thống Phần cứng: 0,5 điểm/ người, 2 người trở lên đạt 1 điểm Phần mềm: 0,5 điểm/ người, 2 người trở lên đạt 1 điểm	2	
		Có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực CNTT cho giảng viên, cán bộ quản lý hàng năm.	2	
		Số giảng viên đạt chứng chỉ kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin theo quy định. Từ 80% trở lên được 2 điểm, dưới 80%: 0 điểm	2	
		Số lượt CBVC được tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn thông tin. Mỗi cán bộ có: 0,5 điểm	2	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		Số lượt giảng viên được tham dự tập huấn chuyên môn online. Mỗi lượt cán bộ được tập huấn: 0,5 điểm	2	
		Số lượng giảng viên ứng dụng Công nghệ thông tin dạy học trên lớp học. Mỗi lượt cán bộ được tập huấn: 0,2 điểm	2	
		Số lượng giảng viên có thể soạn bài giảng E-learning, sử dụng phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học. Mỗi bài giảng elearning: 0,2 điểm	2	
		Số bài giảng được số hóa và đưa vào sử dụng theo chuẩn Mỗi bài giảng được số hoá: 0,5 điểm	2	
<b>6</b>	<b>Nhiệm vụ 6: <i>Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở đào tạo</i></b>		<b>100</b>	
6.1	Tổ chức hoạt động theo quy định	Quy chế tổ chức hoạt động của hội đồng trường	10	
		Kết quả thực hiện (báo cáo hoạt động theo quy định)	20	
6.2	Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính nội bộ, quy chế dân chủ của trường theo quy định	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động	5	
		Quy chế tài chính nội bộ	5	
		Quy chế dân chủ	5	
		Kết quả thực hiện	5	
6.3	Xây dựng phương án tự chủ của trường theo quy định	Quyết định ban hành phương án tự chủ	15	
		Kết quả thực hiện	15	
6.4	Phân cấp cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trường	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc. (có đơn vị không có trừ 10 điểm)	20	
<b>7</b>	<b>Nhiệm vụ 7: <i>Hội nhập Quốc tế</i></b>		<b>100</b>	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
7.1	Xây dựng chiến lược hợp tác Quốc tế (HTQT) trung hạn, kế hoạch HTQT hàng năm; Văn bản triển khai văn bản chỉ đạo về HTQT đối với các đơn vị cấp dưới	- Chiến lược HTQT trung hạn, kế hoạch HTQT hàng năm được lãnh đạo ký ban hành	5	
		- Các văn bản của đơn vị triển khai chỉ đạo về hoạt động HTQT (5 điểm/văn bản)	15	
7.2	Thỏa thuận, hợp tác với nước ngoài còn hiệu lực so với năm trước	Danh sách thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực (5 điểm/thỏa thuận)	15	
7.3	Giảng viên và sinh viên nước ngoài tham gia giảng dạy và học tập tại trường diện ngắn hạn và dài hạn (dưới 1%, từ 1 đến 5% và trên 5%)	Số lượng giảng viên và lưu học sinh ở các nước theo chương trình, ngành học và quốc tịch - Dưới 1%: 5 điểm - Từ 1-5%: 10 điểm - Trên 5%: 15 điểm	15	
7.4	Giảng viên được gửi đi đào tạo, thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại nước ngoài (dưới 1%, từ 1 đến 3% và trên 3%)	Số lượng giảng viên theo chuyên môn và NCKH, trường đại học ở mỗi nước - Dưới 1%: 10 điểm - Từ 1-3%: 15 điểm - Trên 3%: 20 điểm	20	
7.5	Có liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (dưới 5, từ 6 đến 10 và trên 10)	Số lượng chương trình liên kết đào tạo và số sinh viên của mỗi ngành học - Dưới 5 chương trình: 3 điểm - Từ 6-10 chương trình: 6 điểm - Trên 10 chương trình: 10 điểm	10	
		Dự án HTQT: 1 điểm/dự án	5	
7.6	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và có xin phép Bộ theo quy định; Quản lý tốt công tác đoàn quốc tế vào và đoàn đi công tác nước ngoài theo quy định của pháp luật	Danh sách văn bản cho phép việc tổ chức hội nghị, hội thảo và báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo; đoàn ra, đoàn vào và báo cáo kết quả các chuyến công tác. Tổ chức Hội nghị, hội thảo: 5 điểm/ Hội nghị, hội thảo	10	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		Quản lý công tác đoàn ra, đoàn vào và báo cáo kết quả các chuyến công tác.	5	
<b>8</b>	<b>Nhiệm vụ 8: Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo</b>		<b>100</b>	
8.1	Quy hoạch diện tích đất được duyệt đủ đáp ứng yêu cầu tuyển sinh	Có quy hoạch chi tiết được phê duyệt	8	
		Quản lý và sử dụng đúng mục đích, không để xảy ra tình trạng tranh chấp, lấn chiếm	6	
		Có đủ diện tích đất được giao ít nhất 25m <sup>2</sup> /1SV	6	
8.2	Thực hiện các quy định về bảo dưỡng, đánh giá, cải tiến cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, CNTT và nguồn học liệu	Kế hoạch mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kết quả thực hiện (Hồ sơ minh chứng kèm theo)	20	
8.3	Mạng lưới Công nghệ thông tin hiện đại và được đầu tư đồng bộ; có thư viện số hiện đại, kết nối được với các thư viện bên ngoài	Có kế hoạch hàng năm, trung hạn, dài hạn và quy hoạch phát triển thư viện của đơn vị	5	
		Thư viện và Trung tâm thông tin học liệu có đủ giáo trình, sách tham khảo, có bản quyền truy cập ít nhất 1 cơ sở dữ liệu khoa học quốc tế và có ít nhất 1 tạp chí khoa học quốc tế (Bản in hay bản điện tử) đối với mỗi ngành đào tạo	5	
		Dành nguồn kinh phí đầu tư, mua sắm trang thiết bị, tài liệu: + Đầu tư 50.000 đ – 100.000đ/người được 2,0 điểm. + Từ 101.000 đ – 150.000 đ/người được 4,0 điểm. + Từ 151.000 đ - 200.000 đ/người được 6,0 điểm. + Từ 201.000 đ - 250.000 đ/người được 8,0 điểm. + Trên 250.000 đ/người được 10,0 điểm. (Đầu tư dưới mức 50.000 đ/người không có điểm)	10	
8.4	Đầu tư cơ sở vật chất (Xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị ...): Giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng chức năng được đầu tư bổ sung mới, hiện đại. Đạt 12% tổng thu Học phí hoặc kinh phí cấp bù học phí trở lên	Kết quả thực hiện (Hồ sơ minh chứng kèm theo) Đạt 1% tổng kinh phí thu được 1,5 điểm (Tối đa 18 điểm) Đạt 3m <sup>2</sup> sàn/1SV được 2 điểm	20	
8.5	Ký túc xá sinh viên hiện đại, sạch sẽ và an toàn (Dành nguồn kinh phí đầu tư, cải tạo, sửa chữa chống xuống	Kết quả thực hiện (Hồ sơ minh chứng kèm theo) Kiểm tra thực tế tại đơn vị	20	



STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	cấp đạt 3% thu Học phí)			
9	<b>Nhiệm vụ 9: Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao</b>		100	
9.1	Gắn kết với doanh nghiệp, đào tạo theo nhu cầu xã hội, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên; thực hiện các chương trình đào tạo trình độ cao, chất lượng cao		50	
9.1.1	Sự tham gia của doanh nghiệp/đơn vị tuyển dụng trong quá trình xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập cho sinh viên và đánh giá đầu ra theo hướng phát triển năng lực người học và nhu cầu xã hội	Minh chứng sự tham gia của doanh nghiệp/đơn vị sử dụng vào xây dựng chương trình đào tạo	20	
9.1.2	Thu thập và xử lý kết quả đánh giá của nhà sử dụng lao động đối với cựu sinh viên có so sánh với năm trước	Kết quả đánh giá của nhà sử dụng lao động đối với cựu sinh viên kèm theo minh chứng	15	
9.1.3	Tăng cường đào tạo các chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế với các trường của các nước phát triển; số chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết tăng hơn so với năm trước	Quyết định đào tạo chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế	15	
9.2	Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp		50	
9.2.1	Đưa khởi nghiệp vào chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị	Văn bản, kế hoạch của nhà trường (có thể lồng ghép với văn bản khác) Tài liệu, hình thức tuyên truyền về hoạt động khởi nghiệp của HSSV	10	
9.2.2	Tham dự Cuộc thi “HSSV với ý tưởng khởi nghiệp” do Bộ GDĐT tổ chức hoặc có dự án khởi nghiệp của sinh viên được thương mại hóa	Số lượng dự án tham gia, số dự án được thương mại hóa	10	
9.2.3	Chuyên đề về khởi nghiệp bắt buộc hoặc tự chọn trong	Quyết định phê duyệt nội dung, chương trình đào tạo của nhà	5	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	chương trình đào tạo chính khóa hoặc ngoại khóa	trường hoặc Quyết định mở lớp đào tạo, huấn luyện ngắn hạn cho sinh viên		
		Triển khai, báo cáo kết quả thực hiện	10	
9.2.4	Số lượng cán bộ, giảng viên được đào tạo kiến thức kỹ năng khởi nghiệp Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, hỗ trợ HSSV khởi nghiệp; Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp cho người học.	Dữ liệu thống kê số lượng cán bộ - Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, hỗ trợ HSSV khởi nghiệp; Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp cho người học	5	
9.2.5	Hỗ trợ kinh phí và phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp hỗ trợ sinh viên về cơ sở vật chất, xây dựng không gian khởi nghiệp	Danh sách các doanh nghiệp đối tác, kết quả triển khai; không gian chung hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp - Bố trí ngân sách (từ nguồn thu hợp pháp, nguồn NCKH của người học,...) để hỗ trợ hoạt động, các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của sinh viên trường; xây dựng quỹ hỗ trợ HSSV khởi nghiệp - Thành lập trung tâm (bộ phận) đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ người học khởi nghiệp (theo hướng tạo các không gian dùng chung cho người học) - Tạo cơ chế và thành lập các câu lạc bộ khởi nghiệp phù hợp với nhóm ngành đào tạo - Kết nối các hoạt động với cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia - Triển khai các nội dung hợp tác giữa ĐHTN và các trường phổ thông tỉnh Thái Nguyên theo Công văn số 954/ĐHTN ngày 8/6/2020 của ĐHTN (đối với các đơn vị trên địa bàn Thái Nguyên)	10	
	<b>Tổng điểm</b>		<b>1.350</b>	

## 2.2. Nhóm Tiêu chí giải pháp

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
1	<i>Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính về giáo dục đào tạo</i>		220	
1.1	Công tác Pháp chế		50	
1.1.1	Có tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác pháp chế	Quyết định thành lập hoặc Quyết định/ bảng phân công nhiệm vụ	2	
	Xây dựng kế hoạch công tác pháp chế năm học	Kế hoạch công tác pháp chế năm học do thủ trưởng đơn vị ký ban hành/phê duyệt	3	
	Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến lĩnh vực công tác pháp chế đối với ĐHTN	Các văn bản báo cáo ĐHTN liên quan đến lĩnh vực công tác pháp chế do thủ trưởng đơn vị ký ban hành - Mỗi báo cáo không nộp: trừ 2,0 điểm - Mỗi báo cáo nộp chậm thời hạn: trừ 1,0 điểm	5	
1.1.2	Góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp quy định hiện hành	- Tổng hợp Danh sách các dự thảo văn bản của cơ quan có thẩm quyền gửi đơn vị góp ý kiến trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu): 1 điểm - Các văn bản triển khai việc lấy ý kiến góp ý: 2 điểm - Các văn bản góp ý kiến; các văn bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu): 2 điểm - Mỗi dự thảo văn bản không tham gia đóng góp ý kiến bị trừ 0,5 điểm - Mỗi dự thảo văn bản có tham gia góp ý nhưng nộp văn bản góp ý chậm thời hạn bị trừ 0,5 điểm	5	
	Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các dự thảo nội quy, quy chế, quy định của đơn vị trước khi ban hành văn bản chính thức.	- Tổng hợp Danh sách các nội quy, quy chế, quy định đã ban hành trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn	5	

26

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		vị (ký, đóng dấu): 1 điểm - Các văn bản triển khai việc lấy ý kiến góp ý: 2 điểm - Các văn bản tổng hợp ý kiến góp ý: 2 điểm - Mỗi dự thảo không tổ chức lấy ý kiến bị trừ 1 điểm - Mỗi dự thảo có tổ chức lấy ý kiến nhưng không có văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý dự thảo bị trừ 0,5 điểm (Tổng điểm trừ tối đa không quá 4 điểm)		
	Thẩm định dự thảo các nội quy, quy chế, quy định của đơn vị trước khi ban hành để đảm bảo tuân theo pháp luật và đúng thẩm quyền	- Danh sách các nội quy, quy chế, quy định đã được thẩm định trước khi ký ban hành có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu): 1 điểm - Các văn bản thẩm định dự thảo nội quy, quy chế, quy định của bộ phận pháp chế (hoặc hội đồng/tổ thẩm định): 4 điểm - Mỗi văn bản không được thẩm định trước khi ban hành bị trừ 1,0 điểm (tổng điểm trừ tối đa không quá 4 điểm)	5	
1.1.3	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong đơn vị	- Tổng hợp số lượng và hình thức các cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu): 2 điểm - Kế hoạch (bao gồm cả nội dung) tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế: 3 điểm - Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế của đơn vị: 5 điểm - Mỗi đợt (cuộc) tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế không có báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện bị trừ 1,0 điểm (tổng điểm trừ tối đa không quá 5 điểm)	10	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
1.1.4	Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát: 5 điểm</li> <li>- Các văn bản đánh giá kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát (trong đó có biện pháp giải quyết đối với các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, nội quy, quy chế, quy định - nếu có hành vi vi phạm): 10 điểm</li> <li>- Mỗi nội dung theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát (được xác định theo kế hoạch theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát) không có văn bản đánh giá kết quả bị trừ 1 điểm (tổng điểm trừ tối đa không quá 10 điểm)</li> </ul>	15	
1.2	Công tác tổng hợp, thống kê, cải cách hành chính		<b>50</b>	
1.2.1	Công tác xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chủ yếu và giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục; nhiệm vụ trọng tâm của Đại học Thái Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có văn bản triển khai Kế hoạch của đơn vị về việc thực hiện nhiệm vụ chủ yếu và giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục /ĐHTN và đơn vị (Chỉ thị về nhiệm vụ và giải pháp của ngành giáo dục, ĐHTN, đơn vị theo năm học)</li> </ul>	20	
		Có kết quả triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động cụ thể của đơn vị	5	
1.2.2	Thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ năm học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ năm học</li> </ul>	15	
		- Cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu, thông tin thống kê của đơn vị	5	
		- Nộp báo cáo thống kê đúng hạn, đạt yêu cầu ( <i>Báo cáo thống kê không đúng hạn và bị trả lại vì chưa đảm bảo yêu cầu trừ 5 điểm</i> )	5	
1.3	Công tác thanh tra, kiểm tra		<b>70</b>	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
1.3.1	Xây dựng tổ chức, nhân sự, điều kiện hoạt động cho Thanh tra nội bộ	Có văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thanh tra nội bộ; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm viên chức bộ phận thanh tra	3	
		Có đầy đủ các văn bản quản lý nội bộ về công tác thanh kiểm tra	3	
		Có tài liệu hướng dẫn thực hiện tổ chức thanh tra	2	
		Có đầy đủ cơ sở, vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác thanh tra (phòng làm việc, tiếp dân trang thiết bị làm việc, thiết bị kỹ thuật liên quan...)	2	
1.3.2	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ hằng năm; tiến hành thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra	Có kế hoạch thanh, kiểm tra năm học, kỳ học (có nội dung cụ thể, thời gian thực hiện...) được Thủ trưởng phê duyệt	10	
		Chương trình, kế hoạch thanh kiểm tra đột xuất, chuyên đề	10	
		Có văn bản giám sát, kế hoạch, thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra	10	
1.3.3	Thực hiện đầy đủ việc báo cáo về công tác thanh tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng của trường theo định kỳ và theo yêu cầu của Thanh tra Bộ GDĐT	Có báo cáo về kết quả thực hiện thanh, kiểm tra được phê duyệt. Các báo cáo về công tác thanh tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định (3, 6, 9 tháng, báo cáo năm và các báo cáo đột xuất liên quan)	10	
		Thực hiện tốt về công tác phòng, chống tham nhũng	10	
1.3.4	100% cán bộ làm công tác thanh tra được bồi dưỡng và có chứng chỉ nghiệp vụ thanh tra; tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn nghiệp vụ do Thanh tra Bộ tổ chức hằng năm	100% cán bộ làm công tác thanh tra được bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thanh tra	3	
		Tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn nghiệp vụ	2	
1.3.5	Chế độ chính sách phù hợp đối với cán bộ thanh tra	Quy chế chi tiêu nội bộ có đầy đủ dự trù cho các hoạt động	3	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		tranh tra nội bộ; có dự trù kinh phí cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo		
		Có nội dung chi tiếp công dân theo quy định	2	
1.4	Công tác thi đua, khen thưởng		<b>50</b>	
1.4.1	Thực hiện các văn bản về thi đua, khen thưởng của Nhà nước, Bộ/Tỉnh/ĐHTN	- Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị - Các Quyết định thành lập, kiện toàn Hội đồng thi đua, khen thưởng (TĐKT) của đơn vị - Các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện	10	
1.4.2	Xây dựng kế hoạch thi đua năm học; tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước thường xuyên và chuyên đề; tổ chức ký cam kết thi đua	- Kế hoạch của đơn vị triển khai của đơn vị - Các văn bản phát động phong trào thi đua, ký cam kết thi đua	10	
1.4.3	Thực hiện công tác xét thi đua, khen thưởng theo quy định	- Các văn bản triển khai tổng kết, xét danh hiệu thi đua, khen thưởng - Hồ sơ, thủ tục xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng các cấp	10	
1.4.4	Tổng kết, báo cáo kết quả về công tác thi đua, khen thưởng đúng thời gian quy định. Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị	- Báo cáo công tác thi đua, khen thưởng định kỳ, đột xuất (thiếu 01 báo cáo trừ 02 điểm; nộp chậm 01 báo cáo trừ 01 điểm). - Các văn bản triển khai thực hiện; danh mục hệ thống dữ liệu về công tác thi đua, khen thưởng...	10	
1.4.5	Tổ chức, nhân sự làm công tác thi đua, khen thưởng; công tác bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua khen thưởng	- Quyết định thành lập hoặc phân công nhiệm vụ; danh sách cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua. - Văn bản cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng	10	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		chuyên môn nghiệp vụ.		
2	<i>Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục: Tổ chức, triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ Hội đồng trường, Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu, Trưởng phòng/ban, Phó Trưởng phòng/ban</i>		100	
		Kế hoạch cử cán bộ quản lý giáo dục tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý	40	
		Kết quả cử cán bộ quản lý giáo dục tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý	40	
		Số lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý đạt 100% (không đạt kế hoạch trừ 10 điểm)	20	
3	<i>Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đào tạo</i>		100	
3.1	Nhanh chóng, tích cực triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 06/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển Giáo dục đào tạo	Có 1 đề án xã hội hóa được cộng 5 điểm	10	
	Tỷ lệ giải ngân nguồn ngân sách nhà nước cấp cao Tỷ lệ tự chủ tài chính năm sau cao hơn năm trước	Kết quả thực hiện (Chậm giải ngân 1 tỷ - trừ 5 điểm) Không có phương án tự chủ tài chính được phê duyệt (trừ 5 điểm), Tỷ lệ tự chủ tăng 1% cộng 1 điểm	10	
3.2	Triển khai các giải pháp tăng cường thu hút nguồn thu ngoài ngân sách + Tổng nguồn thu năm sau cao hơn năm trước, mức trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tăng + Tăng số lượng nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu khoa học đầu thầu ngoài nhiệm vụ, đề tài được Bộ GDĐT giao + Số thu chương trình liên kết năm sau cao hơn năm trước	Tổng nguồn thu năm sau cao hơn năm trước, Tăng 10% cộng 1 điểm Mức trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tăng. Tăng 10% cộng 1 điểm Nguồn thu từ hoạt động NCKH ngoài nhiệm vụ Bộ GDĐT giao 1 tỷ được 1 điểm Thu chương trình liên kết đào tạo tăng 10% so với năm	20	



STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	+ Số thu từ hoạt động đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng năm sau cao hơn năm trước + Số thu từ hoạt động khai thác CSVC, hoạt động tài chính năm sau cao hơn năm trước	trước cộng 1 điểm Thu từ hoạt động đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (trừ đào tạo Sư phạm chính quy) tăng hơn 10% so với năm trước cộng 1 điểm Thu từ hoạt động khai thác CSVC, hoạt động tài chính năm sau cao hơn năm trước 1 tỷ cộng 1 điểm		
3.3	Ban hành và cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và các báo cáo đột xuất khác	Rà soát, chỉnh sửa Quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện 2 điểm Thực hiện kiểm toán độc lập, tự kiểm tra tài chính 2 điểm Công khai tài chính đúng quy định 2 điểm Các báo cáo đầy đủ nội dung, nộp đúng hạn, không có 1 báo cáo trừ 2 điểm, chậm nộp báo cáo trừ 1 điểm Không có báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán trừ 10 điểm	10	
3.4	Thực hiện đầy đủ kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm	Kết quả thực hiện kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm Không hoàn thiện thực hiện 01 kiến nghị trừ 3 điểm	10	
3.5	Tích cực huy động nguồn vốn ODA, NGO và các nguồn tài trợ khác năm sau cao hơn năm trước	Thể hiện trên các phụ biểu báo cáo quyết toán (BCQT), báo cáo tài chính (BCTC) theo yêu cầu tại CV số 474/BGDĐT-KHTC 5 điểm cho 01 dự án	10	
3.6	Tăng cường huy động các nguồn kinh phí đảm bảo công tác cải tạo sửa chữa, mua sắm thường xuyên phục vụ công tác chuyên môn; bố trí kịp thời vốn đối ứng theo các Quyết định đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Huy động các nguồn kinh phí đảm bảo công tác cải tạo sửa chữa, mua sắm thường xuyên phục vụ công tác chuyên môn: thực hiện 02 tỷ được 1 điểm Bố trí kịp thời vốn đối ứng theo các Quyết định đầu tư	10 10	

UB

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Chậm đối ứng theo kế hoạch 1 tỷ trừ 02 điểm		
3.7	Không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, dự án đầu tư hoàn thành quá thời hạn theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước	Nợ 1 tỷ trừ 1 điểm. Được tính từ khi kết thúc dự án, thanh lý hợp đồng	10	
<b>4</b>	<b><i>Công tác Khảo thí và kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục</i></b>		<b>130</b>	
4.1	Có kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm, tổ chức thực hiện đúng quy định.	Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của năm học	5	
		Triển khai đúng nội dung theo kế hoạch	5	
		Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	5	
4.2	Thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng sau công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài	Kết quả việc thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng sau công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài	5	
		Hoạt động nâng cao chất lượng sau công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài	5	
		Đánh giá hiệu quả nâng cao chất lượng sau công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài	5	
4.3	Có chương trình đào tạo hoàn thành tự đánh giá và báo cáo về ĐHTN, Bộ GDĐT theo quy định.	Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT)	5	
		Báo cáo ĐHTN và Bộ GDĐT về CTĐT đã được đánh giá	5	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
4.4	Cơ sở giáo dục đã được đánh giá ngoài hoặc được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước hoặc nước ngoài ( <i>không áp dụng với Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai</i> )	Chứng nhận kiểm định cơ sở giáo dục	10	
4.5	Có ít nhất 10% chương trình đào tạo được đánh giá, công nhận bởi tổ chức đánh giá/ kiểm định chất lượng giáo dục trong nước hoặc nước ngoài và hoàn thành tự đánh giá ít nhất 20% chương trình đào tạo. <i>(Riêng Trường Đại học Sư phạm sẽ yêu cầu cao hơn vì đến năm 2023 thì 100% CTĐT sư phạm đánh giá)</i>	Có ít nhất 10% chương trình đào tạo đánh giá được công nhận bởi tổ chức đánh giá/ kiểm định chất lượng giáo dục trong nước hoặc nước ngoài	10	
		Hoàn thành tự đánh giá ít nhất 20% chương trình đào tạo	10	
4.6	Có cán bộ, giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên hoặc được cấp thẻ kiểm định viên	Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo kiểm định viên hoặc thẻ kiểm định viên	10	
4.7	Thực hiện việc kê khai các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trong đề án tuyển sinh và trên các phần mềm của Bộ GDĐT theo đúng quy định; Các thông tin về hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục được đăng tải và cập nhật trên website của cơ sở giáo dục.	Kê khai các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trong đề án tuyển sinh và trên các phần mềm của Bộ GDĐT tạo theo đúng quy định	5	
		Các thông tin về hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục được đăng tải và cập nhật trên website của cơ sở giáo dục.	5	
4.8	Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong các kỳ thi quốc gia do Bộ GDĐT và ĐHTN tổ chức	Hoàn thành nhiệm vụ được giao trong các kỳ thi quốc gia do Bộ GDĐT và ĐHTN tổ chức	5	
4.9	Có kế hoạch cụ thể, chi tiết về công tác khảo thí (bao gồm kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; kế hoạch thi, kiểm tra đánh giá; kế hoạch xây dựng, rà soát, bổ sung ngân hàng câu	Các kế hoạch của đơn vị về công tác khảo thí; Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên, giảng viên về công tác khảo thí;	5	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	hỏi; kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khảo thí); các hoạt động khảo thí được triển khai hiệu quả theo đúng kế hoạch đã đề ra.	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học, các kế hoạch dài hạn trung hạn và ngắn hạn.		
4.10	Có quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập. Có quy định, hướng dẫn, kế hoạch đánh giá người học; có phân công trách nhiệm cụ thể. Có các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với từng môn học/học phần trong chương trình dạy học.	Quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập; Có quy định, hướng dẫn, kế hoạch đánh giá người học; có phân công trách nhiệm cụ thể.	3	
		Có các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với từng môn học/học phần trong chương trình dạy học	2	
4.11	Thực hiện quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả người học để đạt được chuẩn đầu ra và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan. Thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra.	Kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại môn học/học phần; Kết quả phân tích/nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại kỳ thi/đánh giá.	3	
		Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra.	2	
4.12	Thực hiện rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học định kỳ ít nhất 1 năm/lần. Thực hiện nghiên cứu, phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá người học, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học định kỳ bằng các công cụ hiện đại, hiệu quả. Công bố kết quả đánh giá kịp thời; các trường hợp khiếu nại, phúc tra được xử lý hợp lý. Thực hiện khảo sát/lấy ý kiến của người học, cựu người học.	Văn bản quy định về rà soát quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học.	2	
		Kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại môn học/học phần; Kết quả phân tích/nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đối với đặc thù các kỳ thi/đánh giá.	3	
		Các ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về kiểm tra, đánh giá.	2	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
4.13	Thay đổi/cải tiến các loại hình/phương pháp đánh giá người học. Định kỳ đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá người học. Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện khoa học, được kiểm chứng trước khi áp dụng và được thông báo công khai cho Người học trước khi bắt đầu học mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.	Các phiên bản quy định về các loại hình/phương pháp đánh giá người học; Sổ tay sinh viên.	2	
		Các văn bản tổng kết, sơ kết về hiệu quả của các phương pháp kiểm tra, đánh giá được áp dụng trong CTĐT; Ý kiến phản hồi của về các loại hình/phương pháp đánh giá người học.	2	
4.14	Có đủ ngân hàng đề thi, câu hỏi thi cho tất cả các môn học/học phần và được định kỳ rà soát, bổ sung, đảm bảo số lượng câu hỏi thi và đề thi theo đúng quy định của ĐHTN và nhà trường	Các văn bản, báo cáo và kế hoạch triển khai, báo cáo tổng kết, thông kê số lượng đề thi, câu hỏi thi được rà soát, bổ sung trên tổng số đề thi, câu hỏi thi, đánh giá hiệu quả hoạt động, biên bản nghiệm thu, v.v.	2	
4.15	Tổ chức thực hiện công tác tổ chức thi, chấm thi; công tác phúc tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo chính xác, khách quan, đúng quy định trong thi, kiểm tra.	Các văn bản chỉ đạo của đơn vị; Các biên bản thanh tra chấm thi; các biên bản chấm phúc khảo; Văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có).	3	
4.17	Công khai, tuyên truyền các hình thức kiểm tra, đánh giá cho người học.	Kế hoạch và văn bản triển khai tới người học tuyên truyền về các hình thức kiểm tra, đánh giá và quy trình phúc khảo tới người học.	2	
4.18	Tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, giải đáp mọi thắc mắc về thông tin tuyển sinh; tổ chức tuyển sinh đúng quy chế.	Quyết định hoặc văn bản thành lập bộ phận/tổ chức tư vấn tuyển sinh; Nội dung, kế hoạch tuyển sinh và hoạt động tư vấn tuyển sinh. Báo cáo kết quả tuyển sinh.	2	
<b>5</b>	<b>Công tác truyền thông về giáo dục đào tạo</b>		<b>100</b>	
5.1	Có bộ phận chuyên trách truyền thông	Quyết định thành lập hoặc Quyết định/ bảng phân công	20	

STT	TIÊU CHÍ	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		nhiệm vụ		
		Quyết định kiện toàn bộ phận chuyên trách truyền thông và bảng phân công nhiệm vụ thành viên khi nhân sự thay đổi của bộ phận truyền thông	5	
5.2	Website thường xuyên hoạt động, tương tác, cập nhật thông tin, có đường link với website của ĐHTN, với Bộ GDĐT	- Website thường xuyên hoạt động, tương tác cập nhật thông tin, số lượt truy cập - Sử dụng tên miền của ĐHTN	20	
		- Có đường link với website của ĐHTN, với Bộ GDĐT	5	
5.3	Có Kế hoạch truyền thông năm học và chủ động quan hệ, phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí	- Có xây dựng Kế hoạch truyền thông năm học - Kết quả thực hiện (thống kê và danh mục cơ quan báo chí phối hợp và kết quả thực hiện)	20 5	
5.4	Tổ chức tập huấn báo chí, truyền thông nội bộ; phối hợp truyền thông chặt chẽ với ĐHTN và Bộ GDĐT	- Tổ chức tập huấn báo chí, truyền thông nội bộ ( <i>không tổ chức tập huấn trừ 5 điểm</i> ) - Phối hợp truyền thông chặt chẽ với ĐHTN và Bộ GDĐT	15 10	
	<b>Tổng điểm</b>		<b>650</b>	

### 3. Nguyên tắc, cách chấm điểm và tính điểm

#### 3.1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Tổng điểm trong danh mục tiêu chí chấm điểm tối đa là 2.100 điểm, trong đó:

- Tổng điểm theo nhóm Tiêu chí nhiệm vụ: 1.350 điểm
- Tổng điểm theo nhóm Tiêu chí giải pháp: 650 điểm
- Điểm thưởng tối đa cho 01 đơn vị là 100 điểm.

b) Những trường hợp không xét hoặc hạ bậc xếp loại khi đánh giá danh hiệu thi đua, khen thưởng

- Đơn vị để xảy ra vi phạm đặc biệt nghiêm trọng theo kết luận của cấp có thẩm quyền.
- Đơn vị có cá nhân hoặc tập thể vi phạm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Đơn vị có cá nhân hoặc tập thể tham nhũng, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, hối lộ, lãng phí đến mức cơ quan chức năng phải can thiệp.
- Đơn vị xảy ra lộn xộn, mất trật tự đến mức các cơ quan chức năng phải can thiệp.
- Đơn vị có đơn thư khiếu nại, tố cáo kéo dài không được giải quyết dứt điểm.
- Đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thời gian, nghĩa vụ đóng góp theo quy định của ĐHTN, Bộ GDĐT, tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức có thẩm quyền.

3.2. Cách chấm điểm theo danh mục tiêu chí đánh giá thi đua: Điểm bằng hoặc nhỏ hơn số điểm tối đa.

a) Chấm điểm theo danh mục tiêu chí đánh giá thi đua

- Mức 1: Không đạt yêu cầu: Không đáp ứng được yêu cầu tiêu chí hoặc không có tài liệu, minh chứng cho kết quả;
- Mức 2: Không đạt điểm tối đa: Thực hiện chưa đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chí hoặc các minh chứng chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, số điểm sẽ tính bằng số điểm tối đa nhân với phần trăm công việc đạt được hoặc minh chứng đưa ra (ví dụ: chỉ hoàn thành 80% nhiệm vụ hoặc chỉ có 80% minh chứng và số điểm tối đa của tiêu chí là 50 thì đơn vị chỉ đạt: 80% của 50 điểm là 40 điểm);
- Mức 3: Đạt điểm tối đa: Thực hiện đầy đủ yêu cầu của tiêu chí, có các minh chứng rõ ràng, thuyết phục.

b) Quy định về điểm thưởng và điểm trừ

- Ngoài số điểm theo quy định, khi chấm điểm hoặc chấm thẩm định đoàn thẩm định thi đua ĐHTN thống nhất chấm điểm thưởng hoặc điểm trừ đối với các đơn vị nhưng không vượt quá 20% tổng số điểm của từng lĩnh vực/tiêu chí có liên quan. Cụ thể:

- + Điểm thưởng: Dành cho các đơn vị có thành tích vượt trội, có sáng tạo trong việc thực hiện lĩnh vực công tác, có ý nghĩa lan tỏa trong toàn ngành hoặc có sự vươn lên vượt bậc so với kế hoạch (hoặc năm trước); không vượt quá 100 điểm
- + Điểm trừ: Dành cho các đơn vị có vi phạm làm ảnh hưởng tới môi trường giáo dục của ngành; không vượt quá số điểm tối đa quy định cho tiêu chí.

c) Đối với các đơn vị: Trường Cao đẳng KTKT, Trường Ngoại ngữ, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai, Khoa Quốc tế, TT Giáo dục quốc phòng và An ninh sẽ được tính điểm ưu tiên hoặc minh chứng thay thế có tính đặc thù của đơn vị ngay khi thực hiện chấm điểm từng tiêu chí.

#### 4. Quy trình thực hiện chấm điểm

4.1. Các đơn vị đào tạo

- a) Các đơn vị căn cứ vào nội dung chấm điểm thi đua năm học của các tiêu chí theo nhóm Tiêu chí nhiệm vụ và nhóm tiêu chí giải pháp chủ động tập hợp, sắp xếp các tài liệu, minh chứng kết quả hoạt động trong năm học;
- b) Tổ chức tự đánh giá chấm điểm theo các tiêu chí, đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (nếu có) cuối năm học và nộp về Đại học Thái Nguyên trước ngày 15/7 hằng năm.

4.2. Đại học Thái Nguyên

- a) Thành lập Đoàn thẩm định, thẩm định kết quả tự đánh giá và kết luận mức điểm thi đua để làm cơ sở đánh giá, xếp loại, suy tôn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng các cấp trong từng cụm thi đua được thành lập theo Quyết định của Giám đốc ĐHTN.

b) Tổ chức họp Ban Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng ĐHTN với các đơn vị trong từng cụm thi đua để công bố kết quả thẩm định và bỏ phiếu suy tôn, xếp loại đơn vị, đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các đơn vị.

c) Công nhận danh hiệu “Đơn vị khá”, “Đơn vị giỏi”, “Đơn vị xuất sắc” theo quy định:

- Về điểm chấm thẩm định:

+ Đơn vị khá: **Đạt từ 1.700 – 1.799 điểm (mức 1)**

+ Đơn vị giỏi: **Đạt từ 1.800 – 1.899 điểm (mức 2)**

+ Đơn vị xuất sắc: **Đạt từ 1.900 điểm trở lên (mức 3)**

- Các đơn vị được công nhận danh hiệu thi đua Khá, Giỏi, Xuất sắc trong từng cụm thi đua phải được xếp loại đơn vị năm học từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên với mức 1, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với mức 2, 3; đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thi đua, khen thưởng.

d) Báo cáo Bộ GDĐT kết quả tự đánh giá của các đơn vị, kết quả thẩm định của ĐHTN và kết quả suy tôn xếp loại, đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng trước ngày 25/8 hằng năm.

### **5. Khen thưởng**

Sau khi có kết quả xét thi đua, khen thưởng của Bộ GDĐT đối với các đơn vị, ĐHTN Quyết định công nhận và chi tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua trong cụm.